SAO Y
Ký bởi: Bệnh viện Sản Nhi
Email: bvsn.syt@quangninh.gov.vn
Cơ quan: Sở Y tế, Tỉnh Quảng Ninh
Ngày ký: 25-03-2025 14:16:07 +07:00

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN SẢN NHI
Số: 296 /BVSN-KD
V/v mời chào giá vật tư, hóa chất cho khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn và một số vật tư khác của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Quảng Ninh, ngày 25 tháng 3 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: - Sở Y tế Quảng Ninh
- Các đơn vị quan tâm

Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm vật tư, hóa chất cho khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn và một số vật tư khác của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh thuộc dự toán Mua sắm vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm năm 2025-2026 của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh – khu Minh Khai, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phạm Anh Tuân, Phó khoa – Phụ trách khoa Dược, SĐT: 0915.694.888, email: duocsannhi@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh – khu Minh Khai, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Nhận qua email: duocsannhi@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 25 tháng 3 năm 2025 đến trước 17h ngày 06 tháng 4 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 06 tháng 4 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị).

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
	1. Hóa chất dùng cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp AMSCO V-PRO 1 PLUS STERIS			
1	Hóa chất dùng cho máy nhiệt độ thấp	Hóa chất sử dụng cho máy hấp tiệt trùng nhiệt độ thấp với công nghệ hơi Hydro Peroxide. Thành phần tối thiểu gồm Hydrogen Peroxide 59%. Mỗi cốc sử dụng được cho ≥ 15 chu kỳ chuẩn; ≥ 30 chu kỳ nhanh. Đạt các tiêu chuẩn ISO 13485, FDA hoặc tương đương.	Cốc	23
	2. Hóa chất, vật tư dùng cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp STERRAD 100S			
2	Băng đựng hóa chất	Băng đựng hóa chất H2O2 tương thích với máy tiệt trùng nhiệt độ thấp STERRAD 100S. Mỗi băng gồm ≥ 10 ngăn (cell), mỗi ngăn (cell) chứa 1800 ± 50µl chất H2O2 (hydrogen peroxide), nồng độ ≥ 58%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC hoặc tương đương. Hộp ≥ 05 băng.	Hộp	18
3	Que chỉ thị hóa học	Que thử có chỉ thị hóa học nhận dạng H2O2. Tương thích với các dòng máy tiệt khuẩn STERRAD. Đạt tiêu chuẩn: EC, ISO hoặc tương đương. Hộp ≥ 1000 que.	Hộp	1
4	Túi đóng gói kích thước 150mmx70m	Kích thước 150mm x 70m. Có chứng nhận tương thích với hệ thống tiệt khuẩn Sterrad khi đóng gói 1 lớp và 2 lớp. Có thể duy trì tính vô khuẩn của dụng cụ sau tiệt khuẩn ≥ 12 tháng. Có khả năng đổi màu của chị thị hóa học khi tiếp xúc với hydrogen peroxyde. Độ ổn định màu của chất chỉ thị hóa học sau quá trình tiệt khuẩn ≥ 06 tháng. Đạt các tiêu chuẩn ISO 13485, EC, FDA hoặc tương đương.	Cuộn	14
5	Túi đóng gói kích thước 250 mmx70m	Kích thước 250mm x 70m. Có chứng nhận tương thích với hệ thống tiệt khuẩn Sterrad khi đóng gói 1 lớp và 2 lớp. Có thể duy trì tính vô khuẩn của dụng cụ sau tiệt khuẩn ≥ 12 tháng. Có khả năng đổi màu của chị thị hóa học khi tiếp xúc với hydrogen peroxyde. Độ ổn định màu của chất chỉ thị hóa học sau quá trình tiệt khuẩn ≥ 06 tháng. Đạt các tiêu chuẩn ISO 13485, EC, FDA hoặc tương đương.	Cuộn	10
6	Túi đóng gói kích thước 350mmx70m	Kích thước 350mm x 70m. Có chứng nhận tương thích với hệ thống tiệt khuẩn Sterrad khi đóng gói 1 lớp và 2 lớp. Có thể duy trì tính vô khuẩn của dụng cụ sau tiệt khuẩn ≥ 12 tháng. Có khả năng đổi màu của chị thị hóa học khi tiếp xúc với hydrogen peroxyde. Độ ổn định màu của chất chỉ thị hóa học sau quá trình tiệt khuẩn ≥ 06 tháng. Đạt các tiêu chuẩn ISO 13485, EC, FDA hoặc tương đương.	Cuộn	18
	3. Hóa chất, vật tư dùng máy tiệt trùng nhiệt độ cao STERIS AMSCO CENTURY			
7	Chỉ thị hóa học đa thông số dùng cho tiệt trùng dụng cụ	Chỉ thị hóa học cho hấp ướt. Đo lường tối thiểu 03 thông số của quá trình tiệt khuẩn (thời gian, nhiệt độ, áp suất hơi nước). Thành phần giấy 75% (± 5%), Salicylamide trong khoảng từ 2% đến 3%, polypropylen 4% (± 5%), , nhôm 8% (± 5%), . Đạt các tiêu chuẩn ISO 13485, FDA hoặc tương đương.	Miếng	20.000
8	Túi nhiệt độ cao 20cmx200m	Kích thước 20 cm x 200m ((± 5%). Dùng để đóng gói dụng cụ tiệt khuẩn hấp ướt và EO, có chỉ thị tiếp xúc cạnh túi. Mặt giấy y tế ≥ 60g/m2, độ chịu bục khi thấm ướt ≥ 127 Kpa. Mặt phim ≥ 2 lớp kép, dày 51± 1um, độ bền kéo trong khoảng 5,2 kgf/mm2 đến 6,4 kgf/mm2. Độ bền xé mặt giấy trong khoảng 618 mN đến 678 mN, độ bền xé mặt phim trong khoảng 40G đến 48G. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cuộn	8
9	Test kiểm soát tiệt trùng bằng hơi nước	Dùng để kiểm tra độ hiệu quả của khả năng xả khí cho thiết bị tiệt trùng hơi nước hút chân không - chu trình tiệt khuẩn 132 độ C - 134 độ C. Gói chỉ thị còn gồm cả tờ cảnh báo sớm. Màu chỉ thị sẽ duy trì	Gói	200

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		trong vòng ≥ 24 tháng sau khi tiệt khuẩn. Đạt các tiêu chuẩn ISO13485, FDA hoặc tương đương.		
10	Chỉ thị sinh học	Chỉ thị sinh học hấp ướt cho kết quả sau ≤ 24 phút của chu trình hút chân không. Ống chỉ thị sinh học tối thiểu chứa bào tử Geobacillus Stearothermophilus. Dùng với lò tiệt khuẩn hơi nước hỗ trợ hút chân không - chu trình 132 độ C và 135 độ C. Đạt các tiêu chuẩn ISO 13485, FDA hoặc tương đương.	Ống	300
	4. Khăn lau khử khuẩn, khẩu trang			
11	Khăn lau khử khuẩn bề mặt trang thiết bị y tế	Khăn lau khử khuẩn bề mặt ít cồn, làm bằng vải không dệt. Thành phần: Didecyldimethylammonium chloride ≤0.76%. Ethanol ≤ 7.5%. Isopropanol ≤ 15%. Hiệu quả trong 01 phút tiêu diệt được từ 23 vi sinh vật gây bệnh trong môi trường lâm sàng, trong đó có: Trực khuẩn mủ xanh, Vi khuẩn lao; Các vi khuẩn đa kháng thuốc như: A. baumannii, Tụ cầu vàng (MRSA, MRSE, VISA), CRKP, ESBL, VRE. Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO 13485 hoặc tương đương.	Hộp	220
12	Khẩu trang y tế tiệt trùng ba lớp có dây buộc	Khẩu trang y tế 3 lớp, có dây buộc, tiệt trùng từng chiếc.	Cái	6.000
13	Khẩu trang y tế 3 lớp	Khẩu trang y tế 3 lớp vô trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	100.000
14	Mask thanh quản	Mask thanh quản các số 1,1.5, 2, 2.5, 3, 4, 5. Sử dụng nhiều lần. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	35
	5. Ống nghiệm			
15	Ống nghiệm lấy mẫu có hút chân không chứa chất chống đông EDTA K2,K3	Dung dịch chất chống đông: EDTA K2/K3 dạng phun sương. Chất liệu ống: PET hoặc tương đương, trong suốt. Nắp gồm 2 phần: phần bằng cao su butyl hoặc tương đương; phần nắp bằng nhựa PE hoặc tương đương. Kích thước ống: đường kính ngoài 13mm; chiều dài ống ≥ 75mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	cái	152.000
16	Ống nghiệm chân không chứa chất chống đông tri-Na citrate 3,2%	Ống nghiệm chân không chứa hoạt chất chống đông Natri citrate 3.2%. Chất liệu ống được làm bằng nhựa PET trong suốt. Nắp ống được làm từ cao su và nhựa PE. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	cái	50.000
17	Ống nghiệm nhựa 5ml không nắp, không nhãn	Ống nghiệm nhựa PS hoặc PP hoặc tương đương. Dung tích 5ml. Kích thước: 1,2cm x7,5 cm, màu trắng. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	120.000
	6. Y dụng cụ phòng mổ			
18	Tay cầm lưỡng cực	Tay cầm của dụng cụ đốt cầm máu lưỡng cực nội soi, dạng xỏ ngón, có chân cắm đốt điện lưỡng cực.	Cái	10
19	Vỏ ngoài kẹp lưỡng cực	Vỏ ngoài cho dụng cụ lưỡng cực, cỡ 5mm, chiều dài 33 cm.	Cái	10
20	Vỏ trong kẹp lưỡng cực	Vỏ trong cho dụng cụ lưỡng cực, cỡ 5mm, chiều dài 33 cm.	Cái	10
21	Kìm kẹp kim hàm thẳng	Kìm kẹp kim, hàm thẳng, trục có khóa hãm.	Cái	10
22	Kẹp đốt lưỡng cực chống dính	Kẹp lưỡng cực không dính. Có dây cáp nối với máy phẫu thuật cắt đốt điện. Tương thích với dao mổ điện hãng Conmed (Model: system 2450) Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485; CE hoặc tương đương.	Bộ	10
	7. Hóa chất giải phẫu bệnh			
23	Xylen	Xylene hàm lượng > 99%.	ml	100.000
24	Formol	Dung dịch Formol dùng cho xét nghiệm giải phẫu bệnh.	ml	30.000
	8. Hóa chất, vật tư khác			

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
25	Băng chỉ thị nhiệt	Chiều dài: 55m, rộng 1,8cm. Dùng cho chỉ thị nhiệt ướt, vạch chỉ thị đổi màu khi nhiệt độ tiệt khuẩn đạt 121 độ C đến 134 độ C. Thiết kế băng giấy phủ keo dính Acrylic hoặc tương đương và vạch mực chỉ thị hóa học, sử dụng trong hấp ướt.Thành phần không chứa chì. Đạt các tiêu chuẩn ISO 13485, FDA.	cuộn	800
26	Bộ đặt nội khí quản ba lưỡi	Bộ đặt nội khí quản gồm: 01 Lưỡi cong Macintosh số 2.0, 01 Lưỡi cong Macintosh số 3.0, 01 Lưỡi cong Macintosh số 4.0, 01 Cán pin trung bao gồm bóng đèn LED 2,7V, 01 Túi đựng có khóa kéo. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Bộ	5
27	Mũ phẫu thuật vô trùng	Sản xuất từ nguyên liệu gạc không dệt, thông thoáng, mềm mại, đảm bảo bao phủ mọi kiểu tóc. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	50.000
28	Tấm trải Nylon tiệt trùng (bàn đẻ, thủ thuật, bàn mổ)	Tấm trải nylon bàn đẻ, bàn mổ, thủ thuật. Cỡ ≥ 100 cm x 130 cm, được tiệt trùng.	Cái	5.000
29	Dung dịch làm bóng dụng cụ y tế	Là dung dịch 2 trong 1 vừa bỏ rỉ sét và khử cáu cặn. Loại bỏ rỉ sét và ăn mòn từ các dụng cụ phẫu thuật bằng thép không gỉ. Loại bỏ cặn nước và các cặn khoáng trong máy rửa tự động và nồi hấp. Thời gian ngâm: ≤15 phút (≤30 phút đối với dụng cụ bị ố vàng nhiều). Thành phần tối thiểu gồm: Phosphoric Acid: 35-45%; Glycolic Acid: 10% ; Nước: 45-55%. Độ pH: 1.7 - 2.1. Can ≥ 3.8 lít.	Can	5
30	Dung dịch bôi trơn dụng cụ y tế	Là dung dịch dạng xịt có tác dụng ức chế ăn mòn. Không chứa silicon. Không nhờn. Thành phần tối thiểu gồm: Dầu khoáng: 10 - 20%; Propylene Glycol : 1 - 5%; Polyethylene glycol mono(nonyl phenyl) ether : 1,5%;-Polyethylene Stearyl Ether : 1%. Nước và những thành phần không độc: 70 - 90%. Can ≥ 3.8 lít.	Can	5
31	Dây garo tiêm	Chất liệu: Cotton, có gai dính hai đầu.	Cái	2.000
32	Tấm dán sau phẫu thuật 7cmx5cm	Miếng dán(opsite) phẫu thuật cỡ 7cmx5cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Miếng	1.000
33	Que cấy dịch âm đạo Spatula	Que xét nghiệm, loại dùng 1 lần, được làm từ gỗ. Được tiệt trùng bằng khí EO. Có bao chứa an toàn đi kèm.	Cái	5.000
34	Vòng tránh thai	Vòng tránh thai. Đạt tiêu chuẩn ISO.	Cái	500
35	Áo làm lạnh toàn thân cho trẻ sơ sinh	Áo làm lạnh toàn thân bệnh nhân. Dùng cho trẻ sơ sinh cân nặng từ 2,5kg đến 4 kg.	Cái	10
36	Ống thông khí tai trẻ em	Được làm bằng nhựa hoặc kim loại. Dùng để tạo ra một đường thông khí tai giữa. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn 9001.	Cái	300
37	Ống thông khí tai T	Ống thông khí tai T. Được làm bằng nhựa hoặc kim loại. Dùng để tạo ra một đường thông khí tai giữa. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn 9001.	Cái	50
38	Bao đo áp lực (theo dõi huyết áp xâm lấn)	Bộ bơm bóng áp lực cao (gồm có Van cầm máu chữ Y và Bơm bóng áp lực cao)	Túi	10
39	Dầu parafin dạng ống	Trạng thái: Lỏng. Thể tích ≥ 10ml/ống. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Ống	5.000
40	Lưới thoát vị prolen 6,4cm x 11,4 cm	Miếng lưới phẫu thuật thoát vị. Chất liệu Polypropylen hoặc tương đương. Kích thước: 6,4cmx11,4cm. Đạt các tiêu chuẩn ISO, CE.	Miếng	6

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Vận chuyển và bàn giao tại Kho Khoa Dược – Tầng 4 nhà B – Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán theo từng đợt giao hàng, sau khi bên mua nhận được đầy đủ chứng từ, biên bản bàn giao và nghiệm thu.

Bệnh viện xin trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:
- *Nt; SYTQN (đăng tải)*
- *Lưu: VT,KD.*

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN SẢN - NHI TỈNH QUẢNG NINH

Bùi Minh Cường

PHỤ LỤC
BÁO GIÁ

Kính gửi: ... ***[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]***

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của ... *[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]*, chúng tôi .... *[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Số văn bản ban hành kết quả phân loại/ số đăng ký lưu hành/ Số giấy phép nhập khẩu (Đối với mặt hàng là TBYT)	Thông số kĩ thuật cơ bản	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/khối lượng	Quy cách đóng gói	Đơn giá (VAT) (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền(11) (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Thiết bị A												
2	Thiết bị B												
3													

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật, văn bản ban hành kết quả phân loại/ số đăng ký lưu hành/ Số giấy phép nhập khẩu và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]*, kể từ ngày ... tháng... năm ... *[ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá]*.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày……..tháng……..năm……..

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))